

Số: /TTr-VTSPK-HĐQT

Tp. HCM, ngày tháng năm 2018

### **TỜ TRÌNH**

V/v: Nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch 2018.

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông  
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.;
- Điều lệ Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/4/2016.
- Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-VTSPK họp HĐQT công ty ngày ...../...../2018 thông qua kế hoạch, chương trình, nội dung Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội cổ đông công ty xem xét, thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018 (Phụ lục 01 đính kèm).

Đề nghị ĐHĐCĐ công ty ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Điều chỉnh kế hoạch SXKD và đầu tư (nếu có) cho phù hợp tình hình thực tế của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức tạm ứng phù hợp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

Kính trình Đại hội,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Tài Cương*



**Phu lục 01**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**  
(Kèm theo Tờ trình số ...../TTr-VTSPK-HDQT ngày ...../..... /2018)

**I. Nhiệm vụ năm 2018:**

- Khai thác hiệu quả và an toàn đội tàu LPG, xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể với công ty Nhật Việt, tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hai đơn vị, trong đó Gas Shipping tiếp tục là đầu mối đảm bảo vai trò vận chuyển LPG cho các đơn vị sản xuất và phân phối trong ngành dầu khí. Giữ vững thị trường vận tải LPG nội địa và chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường Quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và tăng nguồn thu ngoại tệ.
- Thực hiện tốt vai trò đầu mối huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ để thực hiện công tác điều hành vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy GPP Cà Mau.
- Phát triển mở rộng kinh doanh các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ.
- Nghiên cứu đánh giá thị trường mua bán tàu, vận tải trong nước, quốc tế, xây dựng kế hoạch khai thác phù hợp khi đơn vị triển khai đầu tư tàu theo kế hoạch đầu tư Tổng công ty phê duyệt, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả không thấp hơn FS được phê duyệt.
- Về tái cấu trúc, xây dựng phương án để giảm tỷ lệ sở hữu của tổng công ty tại gasshipping xuống tối thiểu 51% vốn điều lệ.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD. Duy trì giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường Quốc tế.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ tàu Hồng Hà Gas đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị. Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi và tránh chảy máu chất xám, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng công ty phát động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

328  
ONG  
PH  
AI SA  
I QU  
TP

## II. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1,260.77</b>	<b>310.41</b>	<b>313.74</b>	<b>318.31</b>	<b>318.31</b>
1.1	Từ dịch vụ vận tải	731.46	182.25	182.25	183.48	183.48
1.2	Từ dịch vụ thương mại	516.14	124.87	128.20	131.54	131.54
1.3	Từ hoạt động tài chính	13.16	3.29	3.29	3.29	3.29
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1,198.75</b>	<b>294.58</b>	<b>297.84</b>	<b>302.03</b>	<b>304.29</b>
2.1	Giá vốn hàng bán	1,141.87	280.86	284.18	288.42	288.42
	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>626.35</i>	<i>156.12</i>	<i>156.12</i>	<i>157.05</i>	<i>157.05</i>
	<i>Dịch vụ thương mại</i>	<i>515.52</i>	<i>124.73</i>	<i>128.05</i>	<i>131.37</i>	<i>131.37</i>
2.2	Chi phí hoạt động tài chính	11.36	2.35	2.29	2.23	4.49
2.3	Chi phí bán hàng	7.03	1.76	1.76	1.76	1.75
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.49	9.62	9.62	9.62	9.62
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>62.03</b>	<b>15.83</b>	<b>15.90</b>	<b>16.28</b>	<b>14.02</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>49.62</b>	<b>12.67</b>	<b>12.72</b>	<b>13.02</b>	<b>11.21</b>
<b>5</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>28.25</b>	<b>7.09</b>	<b>7.10</b>	<b>7.26</b>	<b>6.80</b>
5.1	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>12.41</i>	<i>3.17</i>	<i>3.18</i>	<i>3.26</i>	<i>2.80</i>
5.2	<i>Thuế GTGT + Thuế khác</i>	<i>15.84</i>	<i>3.92</i>	<i>3.92</i>	<i>4.00</i>	<i>4.00</i>

### 2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Kế hoạch năm 2018	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>540.33</b>	<b>0.34</b>	<b>235.29</b>	<b>0.35</b>	<b>304.35</b>
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	533.95	0.00	234.95	0.00	299.00
2	Mua sắm trang thiết bị	6.38	0.34	0.34	0.35	5.35
	<b>Nguồn vốn</b>	<b>540.33</b>	<b>0.34</b>	<b>235.29</b>	<b>0.35</b>	<b>304.35</b>
1	Vốn chủ sở hữu	226.08	0.34	108.76	0.35	116.63
2	Vốn vay + Khác	314.25	0.00	126.53	0.00	187.72

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định (chi tiết).

DVT: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Đơn vị	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch 2018			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>540.33</b>	<b>226.08</b>	<b>314.25</b>	<b>540.33</b>	<b>226.08</b>	<b>314.25</b>	
<b>A</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>533.95</b>	<b>219.70</b>	<b>314.25</b>	<b>533.95</b>	<b>219.70</b>	<b>314.25</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án nhóm A</b>								
<b>II</b>	<b>Dự án nhóm B</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>533.95</b>	<b>219.70</b>	<b>314.25</b>	<b>533.95</b>	<b>219.70</b>	<b>314.25</b>	
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	234.95	108.42	126.53	234.95	108.42	126.53	
	Đầu tư tàu vận tải khí hóa lỏng LPG sức chở 3.500 - 4.000 CBM	Tỷ đồng	234.95	108.42	126.53	234.95	108.42	126.53	
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	299.00	111.28	187.72	299.00	111.28	187.72	
	Đầu tư tàu vận tải khí hóa lỏng LPG sức chở đến 7.500 CBM	Tỷ đồng	299.00	111.28	187.72	299.00	111.28	187.72	
3	Dự án chuẩn bị đầu tư								
<b>III</b>	<b>Dự án nhóm C</b>								
<b>B</b>	<b>Mua sắm tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6.38</b>	<b>6.38</b>	<b>-</b>	<b>6.38</b>	<b>6.38</b>	<b>-</b>	
1	Mua sắm thiết bị văn phòng, phần mềm....	Tỷ đồng	6.38	6.38		6.38	6.38		

Ghi chú:

- Tổng mức đầu tư đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Tổng mức đầu tư Dự án đầu tư tàu LPG sức chở 3.500 - 4.000 cbm ghi tương ứng với tuổi tàu ≤ 10 tuổi, trường hợp đầu tư tàu khoảng từ 11 - 15 tuổi thì tổng mức đầu tư không vượt quá tổng mức đầu tư đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 04/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 05.12.2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

